

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Nguyễn Văn Hùng *Khoa Dược-VT, TTB-KSNK*
SĐT: 02113866003

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Cơ sở 1, Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên, Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (Gửi qua văn thư – Phòng Tổ chức hành chính của Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên để xác nhận ngày báo giá đến).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính từ ngày thư mời này được đăng tải trên trang website của Trung tâm đến trước 16h30 ngày 16 tháng 12 năm 2023 (nếu tại thời điểm ngày 16/12 không đủ 10 ngày kể từ thời điểm đăng tải mời báo giá trên website của Trung tâm thì được tự động ra hạn cho đủ thời gian 10 ngày kể từ thời điểm đăng tải).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày từ ngày hết hiệu lực của thư mời báo giá này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2024:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2024: Gồm 101 mặt hàng, chia làm 09 phần (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).	Cụ thể tại Bảng mô tả đính kèm theo (Chi tiết tại phụ lục kèm theo)	Chi tiết tại phụ lục kèm theo	Chi tiết tại phụ lục kèm theo

Các đơn vị có thể báo giá một hoặc nhiều phần, nhưng mỗi phần là một báo giá riêng để trung tâm dễ so sánh, đối chiếu các phần và lựa chọn. Sản phẩm báo giá tương đương hoặc ưu việt hơn về mặt kỹ thuật cho mục đích sử dụng (Gửi kèm bảng thuyết minh nếu có sự khác biệt đem đến ưu việt hơn để trung tâm dễ đánh giá, lựa chọn).

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt,



bảo quản thiết bị y tế: Bàn giao, lắp đặt (nếu có), hướng dẫn sử dụng ... hàng hóa tại Kho Dược, Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 365 ngày, giao hàng làm nhiều đợt theo dự trữ hàng tháng hoặc đợt xuất theo yêu cầu của bên mua, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu giao hàng (dự trữ) theo hợp đồng của bên mua thì bên bán phải hoàn thành việc giao hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng. Thanh toán theo từng đợt giao nhận hàng (*được quy định cụ thể trong hợp đồng*).

5. Các thông tin khác (nếu có):

Hàng hóa khi bàn giao cho trung tâm phải có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Mẫu báo giá theo mẫu tại thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CNTT (đăng tải);
- BGĐ, Dược, TCKT.
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tuấn Minh



Phụ lục: Danh mục Mua vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2024

(Kèm theo thư mời báo giá ngày 04 tháng 12 năm 2024 của TTYT huyện Bình Xuyên)

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương, băng gạc, vật liệu cầm máu.				
1	Bông y tế	Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên (100% cotton)- dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da...	Kg	200	
2	Cồn 96 độ	Cồn y tế. Hàm lượng: Ethanol $\geq 96\%$.	Lít	300	
3	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là ≤ 5 phút, tái sử dụng trong vòng ≥ 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là ≥ 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được ≥ 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis).	Lít	100	
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme	- Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - Thành phần: protease subtilisin 0,5% - pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ - Đạt các tiêu chuẩn : EC, ISO, CFS	Lít	20	
5	Nước cất tiệt trùng	Dùng trong vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế, chạy máy	Lít	200	
6	Cồn 70 độ	Cồn y tế 70 độ. Chai/lọ 50ml	Lọ	100	
7	Cồn 70 độ	Cồn y tế 70 độ. Chai/lọ 500ml	Chai	80	
8	Viên khử khuẩn	- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước - Hàm lượng hoạt chất: 60,625 % (w/w) Troclosene sodium - Thành phần khác: · Sodium Bicarbonate: 17,37% · Adipic Acid: 18,255% · Sodium Sulphate: 3,75%	Viên	600	
9	Gel bôi trơn nội soi	- Trọng lượng $\geq 82g$ • Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính cơ bản: Water; Glycerin; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate;	Tuýp	20	
10	Gel điện tim	Carbomer và nước tinh khiết.	Tuýp	50	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Gel siêu âm	Gel trong, tan trong nước, dễ lau, cho hình ảnh rõ nét, phù hợp với máy siêu âm 2,3,4 chiều.	Lít	100	
12	Băng cuộn y tế 10 cm x 5m	Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 5\text{m}$. Nguyên liệu: 100% sợi cotton Độ lệch, mật độ sợi - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. 1.3.4. Giới hạn can nối: Cuộn băng có thể là một mảnh hay hai mảnh nối lại với nhau, đường nối phải chắc. 1.3.5. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. 1.3.6. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%	Cuộn	2.000	
13	Băng cuộn y tế 5 cm x 5m	Kích thước: $\geq 5\text{cm} \times 5\text{m}$. Nguyên liệu: 100% sợi cotton Độ lệch, mật độ sợi - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. 1.3.4. Giới hạn can nối: Cuộn băng có thể là một mảnh hay hai mảnh nối lại với nhau, đường nối phải chắc. 1.3.5. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. 1.3.6. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%	Cuộn	200	
14	Băng dính lụa 5cm x 5m	Chất liệu vải lụa đan/dệt 5cm x 5m	Cuộn	1.000	
15	Bông lót bó bột 10cm x 2,7m	Làm từ chất liệu sợi tổng hợp.	Cuộn	300	
16	Bột bó 20cm x 2,7m	Bột liền gạc, lõi nhựa, vỏ là giấy bạc chống ẩm, gạc: 100% cotton.	Cuộn	400	
17	Gạc hút y tế khổ 0,8m	Gạc hút nước 100% cotton. Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Tốc độ hút nước: thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. - Chất tan trong nước: Không quá 0,5% - Giảm khối lượng do sấy khô (độ ẩm): không quá 8,5%	Mét	5.000	
II	Bơm kim tiêm, dây truyền, kim trực dò				

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Bộ dây truyền dịch kim 2 cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $\geq 3,5 \times 3,5$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2018; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	20.000	
19	Bơm tiêm 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gầy để hùi, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $\geq 2,8 \times 2,8$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	40.000	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
20	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 25Gx1", 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $\geq 2,8 \times 2,8$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	5.000	
21	Bơm tiêm 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gây dễ hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $\geq 2,8 \times 2,8$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	40.000	
22	Bơm tiêm 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gây dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $\geq 2,8 \times 2,8$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	500	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Bơm tiêm 50ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $\geq 2,8 \times 2,8$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	500	
24	Bơm tiêm 50ml cho ăn	- Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014	Cái	100	
25	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO $2,8 \times 2,8$ cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	110.000	
26	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong 0.9mm, đường kính ngoài 1.9mm, có khóa chặn dòng, không độc tố. Độ dài của dây nối ≥ 150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt.	Cái	2.000	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	Kim cánh 2 bướm	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO ≥ 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	1.000	
28	Kim châm cứu dạng vi (số 3-10)	Kim châm cứu đóng trong vi. đốc đồng có khuyên. Kích thước : 0,30mmx50mm; 0,30mmx25mm; 0,30mmx40mm; 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,30mmx75mm	cái	120.000	
29	Kim châm cứu số 18	Kích thước: 0,3x150mm	cái	1.000	
30	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng các số	- Chất liệu Catheter:FEP - Kim tráng bằng silicon - Có cánh, có cổng bơm thuốc - Size/ Ext. Dia. x Length mm: G18/ 1,3 x 45, tốc độ dòng chảy: ≥90 ml/phút G20/ 1,1 x 32, tốc độ dòng chảy: ≥60ml/phút G22/ 0,9 x 25, tốc độ dòng chảy: 33 ≥ ml/phút G24/ 0,7 x 19, tốc độ dòng chảy: ≥20 ml/phút	Cái	200	
31	Kim tiêm lấy thuốc, lấy máu.	Kim các số G18, G20, G23, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	60.000	
32	Kim chích máu	Được sản xuất từ thép carbon. Tiệt trùng	Cái	1.000	
33	Kim gây tê	Kim 27G x 0.4 – 30mm	Cái	100	
III	Các loại khí y tế và vật tư khác				
34	Bari sulfat pha hỗn dịch	Gói ≥110g	Gói	100	
35	Khí oxy bình 40 lít	Oxy y tế 99,7%, đóng trong bình 40 lít	Bình	200	
36	Khí oxy bình 8 lít	Oxy y tế 99,7%, đóng trong bình 08 lít	Bình	100	
37	Khí oxy y tế	Oxy y tế 99,7%	Kg	8.000	
IV	Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter và vật tư y tế khác trong khám, chăm sóc người bệnh khác				
38	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng có bột các số	Sản xuất từ cao su thiên nhiên có phủ bột chống dính, được tiệt trùng. Có đầy đủ các size 6,5; 7; 7,5	Đôi	3.000	
39	Găng tay sản khoa tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên Màu trắng tự nhiên của cao su. Có phủ bột ngô chống dính. Bề dày: Tối thiểu 0,15mm Chiều dài trong khoảng: 490mm ±10mm Chiều rộng lòng bàn tay trong khoảng: Size 7: 89 ±5mm Size 7,5: 95 ±5mm Lực kéo trước và sau lão hóa tối thiểu: 12,5N và 9,5N Độ giãn khi đứt trước và sau lão hóa tối thiểu: 700% và 550%	Đôi	50	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	Găng tay y tế	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính. Độ dày tối thiểu: cổ tay: 0,08mm, lòng bàn tay: $\geq 0,09$ mm, ngón tay: $\geq 0,1$ mm Chiều dài tối thiểu: size XS, S, M, L, XL: ≥ 240 mm Chiều rộng lòng bàn tay không vượt ngoài khoảng: size S 80 - 89mm, size M 90 - 99mm, size L 100 - 109mm, size XL 110 - 119mm. Lực gãy tối thiểu: trước lão hóa 6,0N, sau lão hóa 6,0N Sức kéo tối thiểu: trước lão hóa 650%, sau lão hóa 500% Sức căng tối thiểu: trước lão hóa 18 MPa, sau lão hóa 14MPa Lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Lượng protein: Tối đa 200 μ g/dm ² .	Đôi	60.000	
41	Ống nghiệm EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống $\geq 13 \times 75$ mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất kháng đông là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho ≥ 2 ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	15.000	
42	Ống nghiệm EDTA (nắp cao su)	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống $\geq 13 \times 75$ mm, Nắp bằng nhựa bọc cao su phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất kháng đông là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho ≥ 2 ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	18.000	
43	Ống nghiệm Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống $\geq 13 \times 75$ mm, Nắp bằng nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	30.000	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
44	Ống nghiệm nhựa có nắp	Ống nghiệm nhựa kích thước $\geq 13 \times 75 \text{mm}$, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Không chứa hoá chất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc CE	Cái	2.000	
45	Ống nghiệm nhựa không nắp	* Thể tích ống khoảng 5ml, dung tích tối đa $\leq 6 \text{ml}$. Kích thước $\geq 13 \times 75 \text{mm}$. Nhựa PP, không nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	Cái	25.000	
46	Dây hút nhót các loại (có nắp và không nắp).	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Bao bì có giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây hút nhót các loại (có nắp hoặc không có nắp). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485	Cái	200	
47	Dây thở oxy 2 kính mũi	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2 \text{m}$, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO	Cái	500	
48	Ống nội quản không bóng chèn	Các số: 2; 2,5; 3; 3,5; 6; 6,5; 7; 7,5	cái	20	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
49	Ống nội khí quản có bóng chèn	Chất liệu ống PVC Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Độ dày bóng 0.051mm, Đường kính bóng 31.5mm Thể tích bóng 21.4ml Áp lực trong bóng 19.4cm H₂O Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn. Các ống: 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, đường kính bóng 8mm, chiều dài 160mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm, đường kính bóng 11mm, chiều dài 200mm); 5.0(đường kính ngoài 6.8mm, đường kính bóng 16 mm, chiều dài 240mm); 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 17 mm, chiều dài 270mm), 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.8mm, đường kính bóng 22 mm, chiều dài 290mm), 7.0(đường kính ngoài 9.6mm, đường kính bóng 25 mm, chiều dài 310mm), 7.5(đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 25mm, chiều dài 320mm), 8.0(đường kính ngoài 10.9mm, đường kính bóng 27 mm, chiều dài 320mm).	cái	200	
50	Ống thông tiểu (Sonde Nelaton)	Chất liệu: Nhựa PVC	Cái	100	
51	Ống thông tiểu (2 nhánh số 16-26)	Kích thước bóng: ~30cc Các số: 16 (đường kính trong 5.3mm), 18 (đường kính trong 6.0mm), 20 (đường kính trong 6.7mm), 22 (đường kính trong 7.3mm), 24 (đường kính trong 8.0mm), 26 (đường kính trong 8.7mm). Chiều dài 40 cm Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng giúp dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 3 nhánh, chất liệu không có chất DEHP.	Cái	50	
52	Sonde cho ăn (sonde dạ dày người lớn)	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	50	
53	Dây garo	Chất liệu: Thun cotton	Cái	30	
54	Khóa ba chạc có dây	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer. - Có dây nối dài ≥ 25cm, mềm dẻo, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có góc xoay 360 độ. - Khóa không hờ, dễ điều chỉnh.	Bộ	50	
55	Ca-nuyn mở miệng	Chống cắn, chống làm bẹp ống nội khí quản.	Cái	50	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	MẶT NẠ THỞ OXY	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cổ định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	100	
57	MẶT NẠ THỞ OXY KHÍ DUNG	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{ m}$, lòng ống có khóa chống gấp - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	100	
58	Que dè lưỡi gỗ đã tiệt trùng	Cấu tạo: Gỗ Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Đã tiệt trùng	Cái	20.000	
59	Săng giấy (50cm x 50cm)	Săng giấy dùng cho khám phụ khoa, kích thước $\geq 50\text{cm} \times 50\text{cm}$	Cái	1.500	
60	Mỏ vịt	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Cái	300	
61	Ống ngậm giấy đo chức năng hô hấp	Đường kính ống: 30mm Sử dụng tương thích với các máy đo chức năng hô hấp: MiniSpir - MIR S.r.l Medical International Research/Ý	Cái	1.600	
62	Ống thổi máy đo chức năng hô hấp	Bao gồm Turbin và ống ngậm giấy Sử dụng tương thích với các máy đo chức năng hô hấp: MiniSpir - MIR S.r.l Medical International Research/Ý	Cái	100	
63	Ống nối dây máy thở (Sâu máy thở)	Ống nối máy thở cơ giãn. Đầu nối 90 độ xoay chiều. Có thể có giãn.	Cái	200	
64	Phin lọc khuẩn	Dùng lọc khí, chất liệu nhựa y tế, đóng gói tiệt trùng và riêng lẻ từng túi. Có cổng lọc ẩm và lọc khí Co2.	Cái	200	
65	Giấy điện tim 6 cần (110 -140)	Kích thước 110mm x 140mm ($\pm 3\text{mm}$)	Tập	300	
66	Giấy in nhiệt (50mmx30m)	Kích thước: 50mm x 30m	Cuộn	100	
67	Giấy in nhiệt (58mmx30m)	Kích thước: 58mm x 30m	Cuộn	150	
68	Giấy in nhiệt máy siêu âm (kt: 11cm x 20m)	Kích thước: 11cm x 20m	Cuộn	150	
69	Giấy monitor sản khoa (130mm x 120mm)	Kích thước: 130mm x 120mm	Tập	30	
70	Miếng dán điện cực tim	Điện cực dán sử dụng 1 lần	Cái	300	
71	Bao cao su trơn	Trơn nhẵn	Cái	3.000	
72	Túi camera	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật	Cái	200	
V	Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
73	Polypropylene số: 3/0; 4/0	Chỉ không tiêu Polypropylene số 4/0, 3/0; sợi chỉ dài ≥ 90cm-màu xanh hoặc có màu phù hợp. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 22mm (số 3/0) và 26mm (Số 4/0), 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu tròn.	Sợi	120	
74	Chỉ nylon không tiêu số 3/0	Chỉ nylon không tiêu số 3/0, chỉ dài ≥ 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 24 mm.	Sợi	500	
75	Chỉ nylon không tiêu số 4/0	Chỉ nylon không tiêu số 4/0, Dài ≥ 75cm, màu xanh, kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài ≥ 19mm	Sợi	120	
76	Chỉ nylon không tiêu số 5/0	Chỉ nylon không tiêu số 5/0, chỉ dài ≥ 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26 mm.	Sợi	400	
77	Chỉ tiêu Catgut Chromic, số 1	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 1, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài ≥ 40 mm.	Sợi	48	
78	Chỉ tiêu Catgut Chromic, số 3	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 3/0, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 26 mm. Là chỉ tự tiêu Chromic Catgut đa sợi, bên xoắn có vè bề ngoài giống như chỉ đơn sợi. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen có nguồn gốc từ bò hoặc ruột cừu. Chỉ vẫn còn sức căng sau 21 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô đã bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (như dạ dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ sẽ tự tiêu nhanh hơn. Chỉ có màu nâu đen và khả năng gây dị ứng trung bình. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 ; EC ; FDA .	Sợi	120	
79	Polyglactine 910 số 3/0	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 3/0, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 26 mm.	Sợi	120	
80	Polyglactine 910, số 5/0	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 5/0, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài ≥ 17 mm.	Sợi	60	
81	KIATO Sterile surgical blades	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiệt trùng, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.	Cái	3.000	
VI	Test kháng nguyên, test nhanh chẩn đoán các loại				
82	Que thử đường huyết dùng với máy đo đường huyết cá nhân	- Khoảng đo: ≤0.5 - ≥ 38.9 mmol/L (10-700mg/dL) - Lượng mẫu máu: ≤1.0μL - Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70% - Thời gian thử ≤5 giây - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	3.000	
83	Que thử HIV	- Độ nhạy: ≥99.78% với mẫu huyết tương, ≥99.84% với mẫu huyết thanh, ≥99.01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch - Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, ≥99.92% với mẫu huyết thanh.	Test	1.200	

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
84	Test thử ma túy 4 chân (MOP-AMP-MET-THC)	Test thử ma túy 4 chân (MOP-AMP-MET-THC) Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. - Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. - Độ đặc hiệu: $\geq 99,6\%$. - Độ chính xác: $\geq 99,7\%$. - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100%.	Test	500	
85	Que thử Morphine	-Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 % - Ngưỡng phát hiện: ≤ 300 ng/mL	Test	2.000	
86	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số bao gồm: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, pH, S.G, Blood, Ketones, Nitrite, Leucocyte. Sử dụng cho máy của Trung tâm: Aution Sticks 10V Arkray Industry, Inc - Philippines	Test	22.000	
87	Que thử sốt xuất huyết Dengue NS1 Ag	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: $\geq 92,42\%$ - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98,7\%$	Test	300	
88	Que thử viêm gan B HBsAg	Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% so với CLIA. Ổn định ≥ 8 tuần tại $55 \pm 10^\circ\text{C}$. Độ chính xác 100%.	Test	2.000	
89	Que thử viêm gan C HCV	- Độ nhạy: $\geq 98,9\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 100\%$	Test	400	
90	Test cúm A/B	- Độ nhạy lâm sàng: $\geq 97,44\%$ với cúm typ A; $\geq 90,63\%$ với cúm typ B so với PCR - Độ đặc hiệu lâm sàng: 100.00% với cúm typ A; $\geq 98,82\%$ với cúm typ B so với PCR	Test	300	
91	Kít thử nhanh phát hiện thai sớm	- Độ nhạy: 100%. - Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$. - Độ chính xác: $\geq 99,75\%$ - Ngưỡng phát hiện: ≤ 25 mIU/ml. - Độ lặp lại: 100%. - Độ ổn định: 100%	Test	500	
92	Test nhanh đường huyết	Phạm vi đo: $\leq 20 \sim 600$ mg/dL (1.1 – 33.3 mmol/L) Thời gian đo: ≤ 5 giây. Dải Hematocrit: $\leq 35\% - \geq 60\%$ Tương thích với máy TD-4277 & FC-G168	Test	3.300	
93	Test nhanh phát hiện kháng thể H.pylori	Sử dụng để phát hiện Helicobacter pylori từ mẫu sinh thiết dạ dày	Test	200	
VII Phim Xquang cho máy in phim Fuji					
94	Phim khô Laser 26x36cm	Phim khô Laser cỡ 26x36 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, phim gồm ≥ 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3; ISO 13485, EC.	Hộp	70	
95	Phim khô Laser 20x25cm	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, phim gồm ≥ 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3; ISO 13485, EC.	Hộp	80	
VIII Phim Xquang cho Máy in phim Máy in phim Laser Trimax TX55/Carestream Health Inc.					

STT	Tên vật tư - sinh phẩm y tế	Đặc điểm kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
96	Phim X-Quang Máy in phim Laser Trimax TX55/Carestream Health Inc (25x30cm)	Phim X-Quang Máy in phim Laser Trimax TX55/Carestream Health Inc (25x30cm).	Hộp	30	
97	Phim X-Quang Máy in phim Laser Trimax TX55/Carestream Health Inc (20x25cm)	Phim X-Quang Máy in phim Laser Trimax TX55/Carestream Health Inc (20x25cm).	Hộp	30	
IX	Phim Xquang nước và vật tư đi kèm				
98	Hóa chất rửa phim X quang	Tỷ lệ nạp đầy lại 300-600ml/m ²	Bộ	15	
99	Phim X-quang nha khoa rửa nhanh	Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim.	Hộp	15	
100	Phim X quang nước 24cm x 30cm	Phim X-quang rửa nước. Kích thước 24cm x 30cm.	Hộp	20	
101	Phim X quang nước 30cm x 40cm	Phim X-quang rửa nước. Kích thước 30cm x 40cm.	Hộp	20	
Tổng: 09 phần; 101 khoản.					

PHI
NH